

TỔNG CÔNG TY BẢO HIỂM BIDV

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 040/QĐ-HĐQT

Hà Nội, ngày 15 tháng 04 năm 2022

QUY CHẾ

Tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

TỔNG CÔNG TY BẢO HIỂM BIDV

Căn cứ Điều lệ Tổng Công ty Bảo hiểm BIDV ban hành theo Quyết định số 05.8./QĐ-HĐQT ngày 15/04/2022 của Hội đồng Quản trị Tổng Công ty Bảo hiểm BIDV (BIC);

Căn cứ Nghị quyết số 02./NQ-HĐQT ngày 14/04/2022 của Hội đồng Quản trị Tổng Công ty Bảo hiểm BIDV;

Nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của Hội đồng Quản trị.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này “Quy chế Tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị” của Tổng Công ty Bảo hiểm BIDV.

Điều 2. Quy chế này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 045/QĐ-HĐQT ngày 24/05/2017 của Hội đồng Quản trị ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị.

Điều 3. Các thành viên Hội đồng Quản Trị, Ban Tổng Giám đốc, Chánh văn phòng, Giám đốc các Ban tại Trụ sở chính, Giám đốc các Công ty thành viên, các đơn vị và cá nhân liên quan căn cứ quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Ban Kiểm soát;
- Lưu: VT, BTK.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Trần Xuân Hoàng

QUY CHẾ		
Tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị		
QUÁ TRÌNH BAN HÀNH VÀ SỬA ĐỔI:		
Lần	Ngày	Tóm tắt nội dung
1.	09-11-2010	Ban hành lần đầu
2.	24/05/2017	Ban hành lần thứ 2
3.	15/01/2022	Ban hành lần thứ 3
4.		
5.		
6.		
7.		
8.		
9.		

MỤC LỤC

Chương I.....	4
QUY ĐỊNH CHUNG	4
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng	4
Điều 2. Giải thích từ ngữ	4
Điều 3. Nguyên tắc hoạt động của Hội đồng quản trị	4
Chương II.....	5
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....	5
Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị	5
Điều 5. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị	6
Điều 6. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị.....	6
Điều 7. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội đồng quản trị.....	6
Điều 8. Thành viên Hội đồng quản trị không cùng đảm nhiệm chức vụ.....	7
Điều 9. Chủ tịch Hội đồng quản trị, Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị	7
Điều 10. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị	9
Điều 11. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị	10
Điều 12. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị.....	10
Chương III	11
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....	11
Điều 13. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị	11
Điều 14. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị trong việc phê duyệt, ký kết hợp đồng giao dịch	13
Điều 15. Trách nhiệm của Hội đồng quản trị trong việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường.....	14
Điều 16. Các tiểu ban giúp việc Hội đồng quản trị	15
Chương IV	16
CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	16
Điều 17. Cuộc họp Hội đồng quản trị.....	16
Điều 18. Biên bản họp Hội đồng quản trị.....	18
Điều 19. Điều Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến thành viên HĐQT bằng văn bản.....	18
Điều 20. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến Thành viên Hội đồng quản trị bằng thư điện tử.....	20
Chương V	20
BÁO CÁO, CÔNG KHAI CÁC LỢI ÍCH	20
Điều 21. Trình báo cáo hằng năm.....	20
Điều 22. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị	21
Điều 23. Công khai các lợi ích liên quan.....	22
Chương VI.....	22
MỐI QUAN HỆ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	22
Điều 24. Mối quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị.....	22
Điều 25. Mối quan hệ với ban điều hành.....	23
Điều 26. Mối quan hệ với Ban Kiểm soát hoặc Ủy ban kiểm toán	23
Chương VII.....	23
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH.....	23
Điều 27. Hiệu lực thi hành.....	23

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, nguyên tắc hoạt động, quyền hạn, nghĩa vụ của Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị nhằm hoạt động theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và các quy định khác của pháp luật có liên quan.
2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này được áp dụng cho Hội đồng quản trị, các thành viên Hội đồng quản trị.

Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên của Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị đối với sự phát triển của BIC.
2. Hội đồng quản trị giao trách nhiệm cho Tổng giám đốc tổ chức điều hành thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

1. “BIC” hoặc “Tổng Công ty Bảo hiểm BIDV”: Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam.
 2. “HĐQT”: Hội đồng quản trị Tổng Công ty Bảo hiểm BIDV.
 3. “Thành viên HĐQT”: các Thành viên Hội đồng quản trị Tổng Công ty Bảo hiểm BIDV.
 4. “Ban kiểm soát”: Ban kiểm soát của Tổng Công ty Bảo hiểm BIDV.
 5. “Điều lệ”: Điều lệ tổ chức và hoạt động Tổng công ty bảo hiểm BIDV.
 6. “Luật doanh nghiệp”: Luật doanh nghiệp 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020.
 7. “Luật chứng khoán”: là Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019.
- Các từ ngữ, thuật ngữ, từ viết tắt được sử dụng trong Quy chế này được hiểu như trong Điều lệ BIC.

Chương II THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị có đầy đủ các quyền theo quy định của Luật Chứng khoán, pháp luật liên quan và Điều lệ công ty, trong đó có quyền được cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của BIC, các Công ty thành viên, Công ty con, Công ty liên kết của BIC.

2. Thành viên Hội đồng quản trị có nghĩa vụ theo quy định tại pháp luật, Điều lệ công ty và các nghĩa vụ sau:

a) Cùng với các thành viên khác của HĐQT quản trị BIC theo quy định của pháp luật và Điều lệ của BIC;

b) Thực hiện các nhiệm vụ của mình theo đúng quy chế nội bộ của BIC và sự phân công của Chủ tịch HĐQT một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của cổ đông và của BIC;

c) Nghiên cứu báo cáo tài chính do kiểm toán viên độc lập chuẩn bị, có ý kiến hoặc yêu cầu người quản trị, điều hành BIC, kiểm toán viên độc lập và kiểm toán viên nội bộ giải trình các vấn đề có liên quan đến báo cáo;

d) Triển khai thực hiện các quyết định của Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết HĐQT;

e) Giải trình trước Đại hội đồng cổ đông, HĐQT về việc thực hiện nhiệm vụ được giao khi được yêu cầu;

f) Nghiên cứu, đánh giá tình hình, kết quả hoạt động và đóng góp vào việc xây dựng định hướng, kế hoạch kinh doanh của BIC trong từng thời kỳ.

g) Tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị và có ý kiến về các vấn đề được đưa ra thảo luận; Chịu trách nhiệm cá nhân trước pháp luật, trước Đại hội đồng cổ đông và trước HĐQT về những quyết định của mình;

h) Báo cáo kịp thời, đầy đủ với Hội đồng quản trị các khoản thù lao nhận được từ các công ty con, công ty liên kết và các tổ chức khác;

i) Báo cáo Hội đồng quản trị tại cuộc họp gần nhất các giao dịch giữa BIC, công ty con của BIC, công ty khác do BIC nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;

k) Thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của BIC theo quy định của pháp luật.

3. Thành viên Hội đồng quản trị độc lập của công ty niêm yết phải lập báo cáo đánh giá về hoạt động của Hội đồng quản trị.

Điều 5. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, người quản lý khác cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của BIC và của Công ty thành viên, Công ty con, Công ty liên kết của BIC.
2. Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị. Trình tự, thủ tục yêu cầu và cung cấp thông tin do Điều lệ công ty quy định.

Điều 6. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có ít nhất năm (05) thành viên và nhiều nhất mười một (11) thành viên. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị cụ thể sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định theo yêu cầu hoạt động từng thời kỳ.
2. Cơ cấu Hội đồng quản trị của Tổng công ty đảm bảo tối thiểu một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị là Thành viên không điều hành. Tổng Công ty hạn chế tối đa thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh Người điều hành để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng quản trị. Tối thiểu hai (2) thành viên của Hội đồng quản trị thường trú tại Việt Nam. Số lượng Thành viên độc lập của Hội đồng quản trị phải đảm bảo:
 - a) Có tối thiểu một (01) thành viên độc lập trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ ba (03) đến năm (05) thành viên;
 - b) Có tối thiểu hai (02) thành viên độc lập trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ sáu (06) đến tám (08) thành viên;
 - c) Có tối thiểu ba (03) thành viên độc lập trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ chín (09) đến mười một (11) thành viên.
3. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị độc lập của một công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục.
4. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác.

Điều 7. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:
 - a) Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp;
 - b) Trong 3 năm liên tục trước thời điểm được bầu hoặc bổ nhiệm:
 - Không bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm với hình thức bị buộc bãi nhiệm chức danh quản trị, điều hành đã được Bộ Tài chính phê chuẩn hoặc

buộc đình chỉ chức danh đã được doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp môi giới bảo hiểm hoặc chi nhánh tại Việt Nam của doanh nghiệp bảo hiểm nước ngoài bổ nhiệm;

- Không bị xử lý kỷ luật dưới hình thức cách chức, buộc thôi việc (sa thải) do vi phạm quy trình nội bộ về khai thác, giám định, bồi thường, kiểm soát nội bộ, quản lý tài chính và đầu tư, quản lý chương trình tái bảo hiểm trong doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài hay quy trình nghiệp vụ môi giới bảo hiểm, kiểm soát nội bộ, quy tắc đạo đức nghề nghiệp trong doanh nghiệp môi giới bảo hiểm.

- Không trực tiếp liên quan đến vụ án đã bị cơ quan có thẩm quyền khởi tố theo quy định pháp luật tại thời điểm bổ nhiệm.

c) Có bằng đại học hoặc trên đại học;

d) Trực tiếp làm việc trong lĩnh vực bảo hiểm, tài chính, ngân hàng tối thiểu năm (05) năm đối với Chủ tịch Hội đồng quản trị; ba (03) năm đối với các thành viên Hội đồng quản trị, hoặc có kinh nghiệm quản lý điều hành tối thiểu ba (03) năm tại doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực bảo hiểm, tài chính, ngân hàng;

2. Điều kiện để trở thành thành viên hội đồng quản trị độc lập theo quy định tại Khoản 1 Điều này và các quy định tại Khoản 2 Điều 155 Luật Doanh Nghiệp.

3. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải thông báo với Hội đồng quản trị về việc không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại khoản 2 Điều này và đương nhiên không còn là thành viên độc lập Hội đồng quản trị kể từ ngày không đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện. Hội đồng quản trị phải thông báo trường hợp thành viên độc lập Hội đồng quản trị không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất hoặc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên độc lập Hội đồng quản trị trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày nhận được thông báo của thành viên độc lập Hội đồng quản trị có liên quan.

4. Nguyên tắc phân công đảm nhiệm chức vụ

a) Chủ tịch HĐQT không được kiêm nhiệm chức danh Tổng Giám đốc.

b) Thành viên HĐQT của BIC không được đồng thời làm thành viên HĐQT, thành viên Hội đồng thành viên của doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp môi giới bảo hiểm hoạt động trong cùng lĩnh vực (tái bảo hiểm, bảo hiểm phi nhân thọ, bảo hiểm nhân thọ hoặc môi giới bảo hiểm), trừ trường hợp là công ty trực thuộc BIC.

c) Thành viên Hội đồng quản trị không được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị tại quá năm (05) công ty khác hoạt động tại Việt Nam.

Điều 8. Chủ tịch Hội đồng quản trị, Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:

- a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị và phân công nhiệm vụ cho các thành viên Hội đồng quản trị;
- b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;
- c) Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
- d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
- e) Triệu tập và Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
- f) Giám sát các thành viên HĐQT trong việc thực hiện các công việc được phân công và các nhiệm vụ, quyền hạn khác của họ;
- h) Đánh giá hiệu quả làm việc của từng thành viên HĐQT;
- l) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ BIC.

4. Phó Chủ tịch HĐQT có quyền và nghĩa vụ sau:

- a) Phối hợp với Chủ tịch HĐQT điều hành hoạt động của HĐQT.
- b) Ký các văn bản thuộc thẩm quyền của HĐQT khi được Chủ tịch HĐQT ủy quyền.
- c) Thay mặt Chủ tịch HĐQT triệu tập và phân công thành viên HĐQT chuẩn bị nội dung các cuộc họp của HĐQT khi được Chủ tịch HĐQT ủy quyền.
- d) Điều hành các phiên họp của HĐQT trong trường hợp Chủ tịch HĐQT đi vắng và cùng Chủ tịch HĐQT theo dõi, đôn đốc việc thực hiện nhiệm vụ của các thành viên HĐQT giữa hai kỳ họp HĐQT.
- e) Thực hiện các công việc khác theo sự phân công của Chủ tịch HĐQT.

5. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho Phó Chủ tịch thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì Phó Chủ tịch sẽ thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch. Trường hợp cả Chủ tịch và Phó Chủ tịch tạm thời không thể thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch vì các lý do nêu trên các thành viên còn lại sẽ lựa chọn một người trong số các thành viên còn lại làm Chủ tịch Hội đồng quản trị lâm thời theo nguyên tắc đa số cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị..

6. Khi xét thấy cần thiết, Hội đồng quản trị quyết định bổ nhiệm thư ký công ty. Thư ký công ty có quyền và nghĩa vụ sau đây:

- a) Hỗ trợ tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; ghi chép các biên bản họp;

- b) Hỗ trợ thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;
- c) Hỗ trợ Hội đồng quản trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị công ty;
- d) Hỗ trợ Công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của cổ đông; việc tuân thủ nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính;
- đ) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ công ty.

Điều 9. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị sẽ không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị khi bị Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm, miễn nhiệm hoặc thay thế trong các trường hợp quy định tại Điều 160 Luật Doanh Nghiệp.

2. Ngoài các trường hợp bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế quy định từ khoản 1 đến khoản 3 Điều 160 Luật Doanh Nghiệp, thành viên Hội đồng quản trị sẽ đương nhiên mất tư cách thành viên Hội đồng quản trị và sau đó bị miễn nhiệm, bãi nhiệm hoặc thay thế trong các trường hợp sau:

- a) Mất năng lực hành vi dân sự;
- b) Chết;
- c) Vi phạm quy định của pháp luật về những trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ là thành viên của hội đồng quản trị của doanh nghiệp bảo hiểm;
- d) Bị Tòa án tuyên cấm đảm nhiệm chức vụ thành viên Hội đồng quản trị;
- e) Tư cách pháp nhân của cổ đông là tổ chức mà thành viên Hội đồng quản trị đó là người đại diện theo ủy quyền chấm dứt;
- f) Mất tư cách người đại diện phần vốn góp theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức;
- g) Bị Tòa án quyết định trục xuất khỏi lãnh thổ Việt Nam;
- h) Tổng Công ty bị thu hồi giấy phép thành lập và hoạt động.

3. Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng quản trị; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ngoài trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.

4. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- a) Số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba so với số quy định tại Điều lệ. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba;
- b) Trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.

5. Các thành viên HĐQT sau khi bị miễn nhiệm, bãi nhiệm vẫn phải chịu trách nhiệm cá nhân đối với các quyết định trái với quy định của pháp luật và Điều lệ của BIC hoặc các quyết định cố ý làm sai của mình trong thời gian đương nhiệm.

Điều 10. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số Cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.

2. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

3. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ BIC. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử hoặc Điều lệ BIC.

4. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định theo nguyên tắc bỏ phiếu.

Điều 11. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của đề cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của BIC nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:

- a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
 - b) Trình độ học vấn;
 - c) Trình độ chuyên môn;
 - d) Quá trình công tác;
 - e) Các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị và các chức danh quản lý khác;
 - f) Báo cáo đánh giá về đóng góp của ứng viên cho BIC, trong trường hợp ứng viên đó hiện đang là thành viên Hội đồng quản trị của BIC;
 - g) Các lợi ích có liên quan tới BIC và các Người có liên quan đến BIC;
 - h) Họ, tên của cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng viên đó (nếu có);
 - i) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty
2. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.

Chương III HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 12. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:
 - a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Tổng Công ty; điều chỉnh, thay đổi kế hoạch kinh doanh hàng năm của Tổng Công ty khi xét thấy cần thiết để phù hợp thực tế hoạt động của BIC.
 - b) Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được Đại hội đồng cổ đông thông qua;
 - c) Quyết định cơ cấu tổ chức của Tổng Công ty; quy chế quản lý nội bộ của Tổng Công ty, quyết định thành lập công ty con, lập chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;
 - d) Quyết định ban hành quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị, quy chế nội bộ về quản trị Tổng Công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận thông qua; quyết định ban hành quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị, Quy chế về công bố thông tin của Tổng Công ty.

Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị Tổng Công ty Bảo hiểm BIDV

- e) Giải quyết các khiếu nại của Tổng Công ty đối với Người điều hành cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Tổng Công ty để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý chống lại Người điều hành đó;
- f) Đề xuất các loại cổ phần có thể phát hành và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
- g) Quyết định bán cổ phần mới trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn dưới hình thức khác;
- h) Quyết định việc phát hành trái phiếu thường, đề xuất Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn việc phát hành trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu và các chứng quyền cho phép người sở hữu mua cổ phiếu theo mức giá định trước;
- i) Quyết định giá chào bán trái phiếu, cổ phần và các chứng khoán chuyển đổi trong trường hợp được Đại hội đồng cổ đông ủy quyền;
- j) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;
- k) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị, công nghệ;
- l) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị nhỏ hơn ba mươi lăm phần trăm (35%) giá trị tổng tài sản được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất của Tổng Công ty, trừ hợp đồng và giao dịch quy định tại khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;
- m) Ban hành Quy chế tài chính, Quy chế trả lương - thưởng, Quy chế tuyển dụng - đào tạo, và các Quy chế khác;
- n) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, bãi nhiệm, cách chức, ký hợp đồng lao động, quyết định mức lương, thù lao, thưởng và các lợi ích khác của Tổng giám đốc; bổ nhiệm, miễn nhiệm, quyết định mức lương, thù lao, thưởng và các lợi ích khác của Người điều hành, người quản lý, thư ký Hội đồng quản trị hoặc người đại diện của Tổng Công ty. Việc bãi nhiệm nói trên không được trái với các quyền theo hợp đồng của những người bị bãi nhiệm (nếu có); cử người đại diện theo ủy quyền tham gia hội đồng thành viên/hội đồng quản trị hoặc đại hội đồng cổ đông ở công ty khác mà BIC nắm giữ vốn cổ phần, quyết định thù lao và những quyền lợi khác của những người đó;
- o) Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và Người quản lý khác trong điều hành hoạt động kinh doanh hàng ngày của Tổng Công ty; đình chỉ các Quyết định của Tổng giám đốc nếu xét thấy quyết định này trái pháp luật, vi phạm Điều lệ, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, hoặc xét thấy quyết định đó có khả năng gây bất lợi đối với Tổng Công ty;

- p) Duyệt chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến bằng văn bản để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;
- q) Đề xuất mức cổ tức hàng năm; thời hạn và thủ tục chi trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;
- r) Đề xuất việc tổ chức lại, giải thể, yêu cầu phá sản Tổng Công ty;
- s) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 của Luật doanh nghiệp;
- t) Trình báo cáo tài chính quyết toán hàng năm lên Đại hội đồng cổ đông;
- u) Báo cáo việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Tổng giám đốc lên Đại hội đồng cổ đông;
- v) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật chứng khoán, Điều lệ này và các quy định khác của pháp luật.

3. Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác do Điều lệ công ty quy định. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết.

4. Trường hợp nghị quyết, quyết định do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Điều lệ công ty gây thiệt hại cho BIC thì các thành viên tán thành thông qua nghị quyết, quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về nghị quyết, quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho BIC; thành viên phản đối thông qua nghị quyết, quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trường hợp này, cổ đông của BIC có quyền yêu cầu Tòa án đình chỉ thực hiện hoặc hủy bỏ nghị quyết, quyết định nói trên.

Điều 13. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị trong việc phê duyệt, ký kết hợp đồng giao dịch

1. Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng, giao dịch có giá trị nhỏ hơn 20% hoặc giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị nhỏ hơn 20% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất giữa BIC với một trong các đối tượng sau:

- Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc (Giám đốc), người quản lý khác và người có liên quan của các đối tượng này;
- Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng vốn cổ phần phổ thông của Công ty và những người có liên quan của họ;
- Doanh nghiệp có liên quan đến các đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp.

2. Người đại diện BIC ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng, giao dịch trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo, trừ trường hợp Điều lệ BIC quy định một thời hạn khác; thành viên Hội đồng quản trị có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết.

Điều 14. Trách nhiệm của Hội đồng quản trị trong việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

1. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

- a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Tổng Công ty;
- b) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập hoặc Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật hoặc quy định tại Điều 24 và Điều 35 của Điều lệ;
- c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 11 của Điều lệ; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;
- d) Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;
- e) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng Công ty.

2. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày số lượng thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban Kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định tại Điều lệ BIC hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 1 Điều này;

3. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:

- a) Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp;
- b) Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông;
- c) Lập chương trình và nội dung cuộc họp;
- d) Chuẩn bị tài liệu cho cuộc họp;
- đ) Dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát;

- e) Xác định thời gian và địa điểm họp;
- g) Gửi thông báo mời họp đến từng cổ đông có quyền dự họp theo quy định Luật doanh nghiệp;
- h) Các công việc khác phục vụ cuộc họp.

Điều 15. Các tiểu ban giúp việc Hội đồng quản trị.

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định có tối thiểu là ba(03) thành viên bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và người không phải là thành viên của Hội đồng quản trị. Các thành viên độc lập Hội đồng quản trị và thành viên Hội đồng quản trị không điều hành phải chiếm đa số trong tiểu ban. Trưởng tiểu ban phải là thành viên độc lập Hội đồng quản trị hoặc thành viên Hội đồng quản trị không điều hành. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.
2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Tổng Công ty.

Điều 16. Bộ máy giúp việc HĐQT

1. HĐQT sẽ sử dụng Bộ phận thư ký và con dấu của BIC để thực hiện nhiệm vụ của mình.
2. HĐQT có thể bổ nhiệm một hoặc nhiều người làm thư ký cho HĐQT vào bất cứ thời điểm nào.
3. Chức năng, nhiệm vụ của Thư ký bao gồm:
 - a) Chuẩn bị và hỗ trợ tổ chức triệu tập cuộc họp HĐQT, Ban Kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của HĐQT hoặc Ban kiểm soát;
 - b) Tư vấn về thủ tục các phiên họp;
 - c) Tham dự, ghi và lưu giữ biên bản phiên họp;
 - d) Cung cấp thông tin tài chính, bản sao biên bản họp HĐQT, Đại hội đồng cổ đông và các thông tin khác cho các thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát và cổ đông.
 - e) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp;
 - f) Có trách nhiệm bảo mật thông tin theo quy định pháp luật và Điều lệ BIC.
4. HĐQT có quyền thuê nhân viên và tư vấn độc lập, các kế toán độc lập và các tư vấn bên ngoài để thực hiện các công việc liên quan phù hợp với Điều lệ BIC và các quy định pháp luật, nếu thấy cần thiết để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình bằng chi phí của BIC.

Chương IV CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 17. Cuộc họp Hội đồng quản trị

1. Trường hợp Hội đồng quản trị chưa có hoặc không có Chủ tịch thì trong thời hạn bảy (7) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị hoặc trong thời hạn 7 ngày làm việc kể từ ngày không có Chủ tịch, Hội đồng quản trị phải tổ chức họp Hội đồng quản trị để bầu Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường.

3. Cuộc họp bất thường: Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị bất thường trong trường hợp sau đây:

a) Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị;

b) Có đề nghị của Tổng giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;

c) Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị;

4. Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy ngày (07) ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Tổng Công ty; những người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là năm (05) ngày làm việc trước ngày họp, các thành viên HĐQT có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản và việc từ chối này có thể được thay đổi hoặc hủy bỏ bằng văn bản của thành viên HĐQT đó. Thông báo mời họp phải được làm bằng văn bản Tiếng Việt và Tiếng Anh và phải xác định cụ thể thời gian, địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Điều lệ công ty quy định và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Tổng Công ty.

7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.

Thành viên Ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

8. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên trở lên trực tiếp dự họp hoặc thông qua người đại diện nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

- a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 11 Điều này;
- c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
- d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;
- đ) Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác.

10. Thành viên không trực tiếp tham dự cuộc họp có quyền biểu quyết thông qua thư, fax, thư điện tử. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là một (01) giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

11. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

12. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

13. Nghị quyết của Hội đồng quản trị có thể được thông qua bằng cách thu thập ý kiến bằng văn bản của các thành viên Hội đồng quản trị (nghị quyết bằng văn bản). Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp.

14. Những người được mời họp dự thính: Tổng giám đốc, những Người quản lý khác và các bên thứ ba có thể dự họp Hội đồng quản trị theo lời mời của Hội đồng quản trị nhưng không được biểu quyết trừ khi bản thân họ là thành viên Hội đồng quản trị.

Điều 18. Biên bản họp Hội đồng quản trị

1. Các cuộc họp Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng Anh, bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b) Thời gian, địa điểm họp;
- c) Mục đích, chương trình và nội dung họp;
- d) Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
- đ) Vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
- e) Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;
- g) Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
- h) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
- i) Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g và h khoản 1 Điều này thì biên bản này có hiệu lực. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp. Người ký biên bản họp chịu trách nhiệm liên đới về tính chính xác và trung thực của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị. Chủ tọa, người ghi biên bản chịu trách nhiệm cá nhân về thiệt hại xảy ra đối với doanh nghiệp do từ chối ký biên bản họp theo quy định của Luật Doanh Nghiệp, Điều lệ công ty và pháp luật có liên quan.

3. Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.

4. Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

5. Biên bản lập bằng tiếng Việt và bằng tiếng Anh có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng Anh thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

Điều 19. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến thành viên HĐQT bằng văn bản

1. Chủ tịch HĐQT quyết định việc lấy ý kiến thành viên HĐQT bằng văn bản để thông qua các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT.

2. Thư ký HĐQT chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, các tài liệu cần thiết có liên quan đến nội dung xin ý kiến. Phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến địa chỉ liên lạc của từng thành viên HĐQT.

3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy phép thành lập và hoạt động của BIC;
- b) Mục đích lấy ý kiến;
- c) Họ, tên và địa chỉ liên lạc của thành viên HĐQT;
- d) Vấn đề lấy ý kiến;
- e) Phương án biểu quyết, bao gồm: “tán thành”, “không tán thành” và “không có ý kiến”/hoặc “có ý kiến khác”;
- f) Thời hạn gửi phiếu lấy ý kiến đã được trả lời về BIC;
- g) Họ và tên, chữ ký của Chủ tịch HĐQT.

4. Thời hạn xin ý kiến bằng văn bản là 5 ngày làm việc kể từ ngày Thành viên HĐQT nhận được Phiếu lấy ý kiến. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của thành viên HĐQT và gửi về BIC theo quy định.

5. Nếu thành viên HĐQT không lựa chọn một trong các phương án biểu quyết nêu tại điểm e khoản 3 Điều này hoặc không gửi Phiếu biểu quyết hợp lệ về công ty theo đúng thời hạn quy định thì được coi là lựa chọn phương án “Không có ý kiến”. Trường hợp thành viên HĐQT tán thành nhưng bổ sung thêm ý kiến thì Thư ký tổng hợp theo phương án “Tán thành”.

6. Thư ký HĐQT kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự giám sát của tối thiểu một thành viên HĐQT độc lập. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy phép thành lập và hoạt động của BIC;
- b) Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến;
- c) Tổng số phiếu biểu quyết gửi đi, tổng số phiếu biểu quyết thu về, số phiếu biểu quyết hợp lệ, số phiếu biểu quyết không hợp lệ. Biên bản phải có phụ lục danh sách thành viên HĐQT đã tham gia biểu quyết;
- d) Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề được xin ý kiến;
- e) Họ, tên, chữ ký của người phụ trách kiểm phiếu, người giám sát, thư ký.

7. Thư ký HĐQT tham gia vào việc lấy ý kiến thành viên HĐQT bằng văn bản và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

8. Biên bản kết quả kiểm phiếu kèm nghị quyết, quyết định của HĐQT thông qua dựa trên kết quả kiểm phiếu phải được gửi đến các thành viên HĐQT trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu.

9. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ lại trụ sở chính của BIC.

10. Quyết định được thông qua theo hình thức lấy ý kiến thành viên HĐQT bằng văn bản có giá trị như quyết định được thông qua tại cuộc họp HĐQT.

Điều 20. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến Thành viên Hội đồng quản trị bằng thư điện tử

1. Chủ tịch HĐQT quyết định việc lấy ý kiến thành viên HĐQT bằng các thư điện tử để thông qua các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT giữa hai kỳ họp do điều kiện các Thành viên HĐQT kiêm nhiệm và ở ngoài lãnh thổ Việt Nam hoặc vì các điều kiện khách quan khác.

2. Thư ký HĐQT có trách nhiệm chuẩn bị các tài liệu cần thiết có liên quan đến nội dung xin ý kiến và Tờ trình, được gửi bằng thư điện tử như quy định tại khoản 1 Điều này đến địa chỉ của từng thành viên HĐQT.

3. Thời hạn để xin ý kiến bằng thư điện tử là 05 ngày làm việc kể từ ngày gửi xin ý kiến. Nếu quá thời hạn này mà không được ý kiến của thành viên Hội đồng quản trị thì được xem là đồng ý với nội dung xin ý kiến qua thư điện tử.

4. Sau khi nhận được ý kiến của các thành viên HĐQT qua thư điện tử, Thư ký có trách nhiệm tổng hợp ý kiến và lập Tổng hợp ý kiến trình Chủ tịch phê duyệt.

5. Tổng hợp ý kiến kèm nghị quyết, quyết định của HĐQT thông qua dựa trên kết quả tổng hợp ý kiến phải được các thành viên HĐQT ký xác nhận tại kỳ họp HĐQT gần nhất và đều phải được lưu giữ lại trụ sở chính của BIC.

6. Nghị quyết, Quyết định được thông qua theo hình thức lấy ý kiến thành viên HĐQT bằng thư điện tử có giá trị như nghị quyết, quyết định được thông qua tại cuộc họp HĐQT.

Chương V
BÁO CÁO, CÔNG KHAI CÁC LỢI ÍCH

Điều 21. Trình báo cáo hằng năm

1. Kết thúc năm tài chính, Hội đồng quản trị phải trình Đại hội đồng cổ đông báo cáo sau đây:

- a) Báo cáo kết quả kinh doanh của Tổng Công ty;
- b) Báo cáo tài chính;
- c) Báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành Tổng Công ty;

d) Báo cáo thẩm định của Ban Kiểm soát.

2. Báo cáo quy định tại các điểm a, b và c khoản 1 Điều này phải được gửi đến Ban kiểm soát để thẩm định chậm nhất là 30 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.

3. Báo cáo quy định tại các khoản 1, 2 Điều này, báo cáo thẩm định của Ban kiểm soát và báo cáo kiểm toán phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Tổng Công ty chậm nhất là 10 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên nếu Điều lệ công ty không quy định thời hạn khác dài hơn. Cổ đông sở hữu cổ phần của Tổng Công ty liên tục ít nhất 01 năm có quyền tự mình hoặc cùng với luật sư, kế toán viên, kiểm toán viên có chứng chỉ hành nghề trực tiếp xem xét báo cáo quy định tại Điều này.

Điều 22. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Tổng Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.

2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.

3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Tổng Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiêu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiêu ban của Hội đồng quản trị.

6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Tổng Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ công ty.

Điều 23. Công khai các lợi ích liên quan

Việc công khai lợi ích và người có liên quan của Công ty thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Hội đồng quản trị của Tổng Công ty phải kê khai cho công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:

a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ có sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;

b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.

2. Việc kê khai quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Tổng Công ty trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.

3. Thành viên Hội đồng quản trị nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của Tổng Công ty đều phải giải trình bản chất, nội dung của công việc đó trước Hội đồng quản trị và chỉ được thực hiện khi được đa số thành viên còn lại của Hội đồng quản trị chấp thuận; nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về Tổng Công ty.

Chương VI

MỐI QUAN HỆ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 24. Mối quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị

1. Quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị là quan hệ phối hợp, các thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm thông tin cho nhau về vấn đề có liên quan trong quá trình xử lý công việc được phân công.

2. Trong quá trình xử lý công việc, thành viên Hội đồng quản trị được phân công chịu trách nhiệm chính phải chủ động phối hợp xử lý, nếu có vấn đề liên quan đến lĩnh vực do thành viên Hội đồng quản trị khác phụ trách. Trong trường hợp giữa các thành viên Hội đồng quản trị còn có ý kiến khác nhau thì thành viên chịu trách nhiệm chính báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị xem xét quyết định theo thẩm quyền hoặc tổ chức họp hoặc lấy ý kiến của các thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật, Điều lệ Tổng công ty và Quy chế này.

3. Trong trường hợp có sự phân công lại giữa các thành viên Hội đồng quản trị thì các thành viên Hội đồng quản trị phải bàn giao công việc, hồ sơ, tài liệu liên quan. Việc bàn giao này phải được lập thành văn bản và báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị về việc bàn giao đó.

Điều 25. Mối quan hệ với ban điều hành

1. Với vai trò quản trị, Hội đồng quản trị ban hành các nghị quyết để Tổng giám đốc và bộ máy điều hành thực hiện. Đồng thời, Hội đồng quản trị kiểm tra, giám sát thực hiện các nghị quyết.
2. Hội đồng quản trị có trách nhiệm tuyển dụng và bổ nhiệm các cán bộ điều hành có trình độ, năng lực và đạo đức tốt cho BIC. Khi lựa chọn Tổng Giám đốc, HĐQT phải bảo đảm rằng Tổng Giám đốc có khả năng quản lý điều hành hoạt động kinh doanh hàng ngày để đạt được mục tiêu kế hoạch của BIC đề ra. Các tiêu chí về đạo đức nghề nghiệp và trình độ chuyên môn phải được ưu tiên trong khi lựa chọn Tổng Giám đốc;
3. Hội đồng quản trị tạo điều kiện cho Tổng Giám đốc về cơ chế, chính sách, nguồn nhân lực, cơ sở vật chất, trang thiết bị và thiết lập hành lang pháp lý nội bộ, giúp bộ máy điều hành hoàn thành nhiệm vụ được giao; đồng thời có trách nhiệm theo dõi, giám sát để kịp thời xử lý mọi sai phạm của cán bộ điều hành các cấp.

Điều 26. Mối quan hệ với Ban Kiểm soát

1. Mối quan hệ giữa Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát là quan hệ phối hợp.
2. Trong quá trình hoạt động, Hội đồng quản trị luôn phối hợp chặt chẽ với Ban Kiểm soát tạo điều kiện cung cấp tất cả các tài liệu, thông tin cần thiết cho Ban Kiểm soát, tôn trọng tư cách khách quan độc lập của Ban Kiểm soát. Hội đồng quản trị hỗ trợ Ban Kiểm soát trong quá trình kiểm tra kiểm soát các hoạt động quản trị, kinh doanh, quản lý, điều hành BIC; đồng thời phải có trách nhiệm theo dõi, chỉ đạo quá trình chấn chỉnh và xử lý các sai phạm theo kiến nghị của Ban Kiểm soát sau mỗi lần kiểm tra, phúc tra, kể cả những sai phạm của bản thân Chủ tịch Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị.

**Chương VII
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

Điều 27. Hiệu lực thi hành

1. Quy chế này đã được xây dựng trên cơ sở các quy định pháp luật hiện hành và phù hợp với quy định tại Điều lệ BIC. Những vấn đề không được quy định trong Quy chế này sẽ được thực hiện theo Điều lệ BIC và các quy định của pháp luật.
2. Trong quá trình thực hiện, khi thấy cần thiết Hội đồng quản trị sẽ xem xét, quyết định sửa đổi, bổ sung quy chế này cho phù hợp theo từng thời điểm.